

Số: 359/2023/QĐST-DS

Thành phố Huế, ngày 13 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng 11 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 247/2022/TLST-DS ngày 27/10/2022;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Thanh G, sinh năm 1963, địa chỉ: B L, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1974, địa chỉ: 7 L, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1966, địa chỉ: 1 T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Bà Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1971, địa chỉ: 2 H, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1954, địa chỉ: 5 N, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1976, địa chỉ: B N, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Chị Nguyễn Thị Kiều M, sinh năm 1982, địa chỉ: 2 Khu phố F, phường T, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Tôn Nữ Thị T2, sinh năm 1952, địa chỉ: A H, Ấp A, xã B, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Anh Nguyễn Thanh B, địa chỉ: A H, Ấp A, xã B, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Chị Nguyễn Thị Thanh L, địa chỉ: A H, Ấp A, xã B, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Lê Thị T3, sinh năm 1951, địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện P, Thừa Thiên Huế.

+ Chị Lê Thị Thu H1, sinh năm 1973, địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện P, Thừa Thiên Huế.

+ Chị Lê Thị Thu H2, sinh năm 1975, địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Anh Lê Viết Q, sinh năm 1976, địa chỉ: 1 M, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

+ Chị Lê Thị Bích L1, sinh năm 1979, địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Chị Lê Thị N, sinh năm 1985, địa chỉ: 1 Kiệt A Thân T, phường T, thành phố H.

+ Chị Lê Thị Kim N1, sinh năm 1989, địa chỉ: 1 M, khu phố Đ, phường T, thành phố D, Bình Dương.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã làm văn bản ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh V1: Bà Nguyễn Thị K và chị Nguyễn Thị Kiều M.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã làm văn bản ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Thanh L: Bà Tôn Nữ Thị T2 và anh Nguyễn Thanh B.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sau đã làm văn bản ủy quyền cho chị Lê Thị Bích L1: Bà Lê Thị T3, chị Lê Thị Thu H1, chị Lê Thị Thu H2, anh Lê Viết Q, chị Lê Thị N, chị Lê Thị Kim N1.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn - ông Nguyễn Thanh G: Ông Hoàng Ngọc T4, Luật sư của Công ty L2 (thuộc Đoàn luật sư tỉnh T), địa chỉ: Số B Kiệt A Bà T, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về xác định di sản thừa kế:

Bà Nguyễn Thị Đ chết ngày 05/5/1995, ông Nguyễn T5 chết ngày 16/10/2012, ông bà đều không để lại di chúc. Di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn T5 là quyền sử dụng đất của thửa đất số 185, tờ bản đồ số 8, diện tích 199,9m², tọa lạc tại B L, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 883425 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp cho ông Nguyễn Thanh V1 (*đại diện cho các đồng thừa kế của ông Nguyễn T5 và bà Nguyễn Thị Đ*) ngày 12/12/2013, hai ngôi nhà và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất.

2.2. Về xác định người thừa kế:

- **Hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị Đ:** Cha, mẹ của bà Đ, chồng bà Đ là ông Nguyễn T5 và các người con gồm các ông, bà: Ông Lê Viết H3, ông Nguyễn Thanh G1, ông Nguyễn Thanh V1, bà Nguyễn Thị Thanh T1 và bà Nguyễn Thị Thanh T. Trong đó cha, mẹ bà Đ chết trước thời điểm mở thừa kế nên không được hưởng di sản thừa kế từ bà Nguyễn Thị Đ.

- **Hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn T5:** Cha mẹ của ông T5 và các người con của ông T5 gồm: Ông Nguyễn H4, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Thanh G, ông Nguyễn Thanh V1, bà Nguyễn Thị Thanh T1 và bà Nguyễn Thị Thanh T. Trong đó cha, mẹ ông T5 chết trước thời điểm mở thừa kế nên không được hưởng di sản thừa kế từ ông Nguyễn T5.

- **Những người được hưởng di sản thừa kế (của những người nếu còn sống được hưởng):**

+ Những người được hưởng di sản thừa kế của ông Nguyễn H4 (nếu còn sống được hưởng) là 02 người con của ông H4: Chị Nguyễn Thị Minh H và chị Nguyễn Thị Kiều M.

+ Những người được hưởng di sản thừa kế của ông Nguyễn Thanh S (nếu còn sống được hưởng) là bà Tôn Nữ Thị T2 (vợ ông S) và 02 người con là anh Nguyễn Thanh B và chị Nguyễn Thị Thanh L.

+ Những người được hưởng di sản thừa kế của ông Lê Viết H3 (nếu còn sống được hưởng) là bà Lê Thị T3 (vợ) và có 06 người con là: Chị Lê Thị Thu H1, chị Lê Thị Thu H2, anh Lê Viết Q, chị Lê Thị Bích L1, chị Lê Thị N và chị Lê Thị Kim N1.

2.3. Về xác định giá trị quyền sử dụng đất và giá trị nhà: Các đương sự thống nhất theo kết quả định giá ngày 19/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản, theo giá thị trường tại thời điểm định giá, thửa đất này có đơn giá là 25.000.000

đồng/01m². Về giá trị hai ngôi nhà ở: Giá trị nhà theo kết quả định giá ngày 19/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản là toàn bộ diện tích 02 ngôi nhà ở có giá trị còn lại là 257.542.000 đồng (đã làm tròn). Mỗi người thừa kế của ông T5, bà Đ được hưởng giá trị về nhà ở là: 32.192.000 đồng/01 người.

2.4. Về thỏa thuận phân chia di sản:

- Giao cho ông Nguyễn Thanh V1 được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích quyền sử dụng đất của thửa đất số 185, tờ bản đồ số 8, diện tích 199,9m², tọa lạc tại B L, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế được Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 883425 ngày 12/12/2013 và sở hữu hai ngôi nhà và tài sản khác gắn liền với quyền sử dụng đất.

Ông Nguyễn Thanh V1 phải có nghĩa vụ trả lại giá trị bằng tiền cho các người thừa kế khác, cụ thể như sau:

- Phải trả cho ông Nguyễn Thanh G số tiền 865.192.000 đồng.
- Phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 865.192.000 đồng.
- Phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T1 số tiền 865.192.000 đồng
- Phải trả bà Nguyễn Thị K số tiền 448.442.000 đồng.
- Phải trả cho chị Nguyễn Thị Minh H và chị Nguyễn Thị Kiều M mỗi người số tiền là 224.221.000 đồng.
- Phải trả cho bà Tôn Nữ Thị T2, chị Nguyễn Thị Thanh L và anh Nguyễn Thanh B mỗi người số tiền là 149.480.000 đồng.
- Phải trả cho bà Lê Thị T3, chị Lê Thị Thu H1, chị Lê Thị Thu H2, chị Lê Thị Bích L1, chị Lê Thị N, chị Lê Thị Kim N1 và anh Lê Viết Q mỗi người số tiền là 64.063.000 đồng.

Ông Nguyễn Thanh V1 có nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm các thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đăng ký biến động, cập nhật thay đổi về quyền quản lý, sử dụng thửa đất theo đúng quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án khi Tòa án tiến hành hòa giải trước khi mở phiên tòa nên chỉ phải chịu 50% mức án phí, cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Thanh G, bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh T1, ông Nguyễn Thanh V1 mỗi người phải chịu án phí là: 20.000.000 đồng + 4%

x (865.192.000 đồng - 400.000.000 đồng) x 50% = 19.304.000 đồng. Ông G, sinh ngày 03/4/1963 đến ngày hòa giải là người trên 60 tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí cho ông G. Trả lại cho ông G số tiền 4.682.000 đồng mà ông G đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004664 ngày 27/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

- Bà Nguyễn Thị K phải chịu án phí là: 20.000.000 đồng + 4% x (448.442.000 đồng - 400.000.000 đồng) x 50% = 10.968.000 đồng (đã làm tròn số). Bà K, sinh năm 1954 đến ngày hòa giải là người trên 60 tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí cho bà K.

- Chị Nguyễn Thị Minh H và chị Nguyễn Thị Kiều M mỗi người phải chịu án phí là 224.221.000 đồng x 5% x 50% = 5.505.000 đồng.

- Bà Tôn Nữ Thị T2, chị Nguyễn Thị Thanh L và anh Nguyễn Thanh B mỗi người phải chịu án phí là 149.480.000 đồng x 5% x 50% = 3.737.000 đồng. Bà T2, sinh năm 1952 đến ngày hòa giải là người trên 60 tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí cho bà T2.

- Bà Lê Thị T3, chị Lê Thị Thu H1, chị Lê Thị Thu H2, chị Lê Thị Bích L1, chị Lê Thị N, chị Lê Thị Kim N1 và anh Lê Viết Q mỗi người phải chịu án phí là 64.063.000 đồng x 5% x 50% = 1.601.000 đồng. Bà Lê Thị T3 đến ngày hòa giải là người trên 60 tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí cho bà T3.

Về chi phí tố tụng: Chi phí định giá tài sản hết 3.604.000 đồng. Ông Nguyễn Thanh G đã nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản với số tiền là 7.000.000 đồng, nên trả lại cho ông G số tiền là 3.396.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền thời gian chưa thi hành án.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TT Huế;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp Huế;
- Đương sự;
- Chi cục THADS Tp Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Nhân Đức